KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 9

Phẩm 8: CÔNG ĐỨC KHÔNG LỖI LẦM CỦA NHƯ LAI (Phần 4)

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu bốn Vô sở úy.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Vô sở úy của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Đó là Nhất thiết trí vô úy, Lậu tận vô úy, Chướng đạo vô úy và Tận khổ đạo vô úy.

Đại vương nên biết! Nhất thiết trí vô úy tức là Sa-môn Cù-đàm đều biết rõ hết tất cả pháp. Nếu Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm không thể biết rõ tất cả các pháp". Nếu lời nói ấy đúng như thật, là điều không thể có. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có khả năng biết rõ tất cả các pháp. Cho nên gọi là Bình Đẳng Chánh Giác, nghĩa là biết rõ các pháp phàm phu, pháp Thánh nhân, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp học, pháp vô học, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, cho nên gọi là Chánh Giác. Nói Bình Đẳng tức là thấy bình đẳng, vì pháp chân thật, nói vô tướng bình đẳng, vì không có các tướng; nói vô nguyện bình đẳng, vì không đắm nhiễm ba cõi, không sinh bình đẳng vì tánh vô sinh; không hành bình đẳng, vì tánh vô hành, vô xuất bình đẳng, vì tánh vô xuất, vô chí xứ bình đẳng vì tánh vô chí xứ; chân thật bình đẳng vì không có ba đời; giải thoát bình đẳng vì tánh vô minh; Niết-bàn bình đẳng vì không sinh tử. Vì thế, Sa-môn Cù-đàm đều có khả năng biết rõ tất cả pháp đến chỗ không còn sợ hãi. Với tâm thương yêu rộng lớn, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, vận chuyển bánh xe pháp Phật, tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian không ai có khả năng chuyển vận chánh pháp như thế. Đó gọi là Nhất thiết trí vô úy.

Đại vương nên biết! Lậu tận vô úy là Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc đã hết, cho nên đã tuyên bố rằng: "Ta lậu hoặc đã hết." Nếu như Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc chưa hết." Nếu nói lời như thế thì không đúng sự thật. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc đã hết. Đối với dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu và kiến lậu tâm đạt được giải thoát, các tập khí đã diệt. Cho nên, Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc đã hết, đến chỗ vô úy, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, xoay chuyển bánh xe Phật pháp. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian, chưa từng có ai có khả năng vận chuyển như thế, đó gọi là Lậu tận vô úy.

Đại vương nên biết! Chướng đạo vô úy là Sa-môn Cù-đàm biết các pháp dục có thể chướng ngại Thánh đạo, cho nên đã nói rằng: "Dục có thể làm chướng ngại đạo." Nếu như Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều nói rằng; "Các pháp dục không làm chướng ngại đạo." Nếu nói lời như vậy là không đúng sự thật. Vì

sao? Vì Sa-môn Cù-đàm biết rõ đúng như thật là pháp chướng đạo. Pháp chướng đạo nghĩa là mười nghiệp bất thiện, có thể làm chướng ngại Thánh đạo. Sa-môn Cù-đàm có khả năng biết đúng như thật đến chỗ vô úy. Ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, xoay chuyển bánh xe Phật pháp, tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian chưa từng có ai có khả năng chuyển vận bánh xe Phật pháp như thế, đó gọi là Chướng đạo vô úy.

Đại vương nên biết! Tận khổ đạo vô úy là Sa-môn Cù-đàm nói: "Tu tập đạo Thánh tận diệt ngọn nguồn khổ đau, đạt giải thoát vô thượng." Nếu như tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều nói, tu tập Thánh đạo không thể chấm dứt hoàn toàn ngọn nguồn các đau khổ. Nếu nói như vậy thì không đúng sự thật. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đã chứng Vô thượng giải thoát, chấm dứt mọi đau khổ.

Thế nào gọi là Thánh đạo chân thật? Đó là Nhất thừa. Nó có hai loại: Chỉ và Quán. Lại có ba loại: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội và Vô nguyện Tam-muội. Lại có bảy pháp: Từ bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, đó gọi là Thánh đạo hoàn toàn chân thật. Đạo rốt ráo là không tăng, không giảm, không giữ, không bỏ, không nắm, không buông, không chánh, không tà, không một, không hai, đó gọi là Chánh đạo chân thật hoàn toàn. Sa-môn Cù-đàm có khả năng biết đúng như thật đến chỗ vô úy, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, xoay chuyển bánh xe Phật pháp, tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chưa từng có người nào có khả năng xoay chuyển bánh xe pháp như vậy nên gọi là Tận khổ đạo vô úy.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu trí bốn Vô úy như thế, có khả năng rống lên tiếng rống sư tử, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

Cù-đàm như sư tử
Trong chúng nói vô úy
Thế gian không ai bằng
Làm gì có người hơn?
Cù-đàm chứng các pháp
Như thật không hư vọng
Do thấy đúng như thật
Rống tiếng sư tử chúa.
Nếu có ai nói rằng:
"Cù-đàm nói không đúng"
"Cù-đàm không thể thấy"
Là không có điều đó.
Vì người không thấy tướng
Ở trong trời và người
Sư tử rống tự tại
Phát tiếng diệu vô úy.
Cù-đàm hết lậu hoặc
Đã đắc thân vô lậu
Vượt thế gian trời người
Nên nói không ai bằng.
Cù-đàm vì chúng sinh
Nói các pháp chướng đạo

Tất cả đều như thật
Nên không nói hư vọng.
Cù-đàm nói tiến thủ
Tự chứng nói như thế
Người tu hành pháp ấy
Không có các chướng ngại.
Cù-đàm biết như vậy
Đến chỗ thắng vô úy
Đạt diệu lạc vô úy
Cù-đàm trụ an ổn.
Chuyển bánh xe chánh pháp
Chưa ai từng xoay chuyển
Thế gian không thể chuyển
Trừ Bậc Lưỡng Túc Tôn.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu pháp Bất cộng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là pháp Bất cộng của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Pháp Bất cộng của Sa-môn Cù-đàm nghĩa là Ngài không có những lỗi lầm, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì thân nghiệp của Sa-môn Cù-đàm không sai trái, không có các lỗi lầm nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì khẩu nghiệp của Sa-môn Cù-đàm không sai trái, không có những hư dối nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì ý nghiệp của Sa-môn Cù-đàm không sai trái, không có các tưởng, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm khi được cúng dường không sinh tâm tự cao; hoặc bị hủy nhục cũng không sinh tâm thấp hèn, luôn luôn định tâm nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm hoặc đi, đứng, nằm, ngồi; hoặc nói hoặc im lặng thường ở trong định, luôn trú trụ tâm, xả tâm nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ, đoạn ngu si nên gọi là bậc Thánh, xả bỏ dục không dừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đại Từ, đại Bi, thuyết pháp độ người, an trụ nơi vắng lặng, không tăng, không giảm, siêng năng không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì tất cả chúng sinh, mà Sa-môn Cù-đàm ở trong vô số kiếp chịu khổ đau rất lớn mà vẫn không sinh nhàm chán mệt mỏi, niệm không dừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm khi vừa mới thành đạo, Ngài quán sát khắp tâm của tất cả chúng sinh ở quá khứ, vị lai và hiện tại, sau đó thuyết pháp không cần quán lại mà vẫn không đánh mất niệm ban đầu, trí tuệ không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì đối với trong ba đời; Sa-môn Cù-đàm nhớ nghĩ không quên, giải thoát không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm không học từ Thầy mà giác ngộ tự nhiên; không như Nhị thừa phải nghe từ người khác, do quán nhân duyên sinh mà giải thoát tri kiến không

ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đạt được trí vô ngại, biết tất cả nghĩa, tất cả chữ, tất cả câu. Đối với một câu pháp trải qua vô số kiếp Ngài nói nghĩa không cùng tận. Tất cả trí của thân nghiệp, nhờ bản trí biến chuyển, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Thân nghiệp của Sa-môn Cù-đàm đều hành động theo trí. Tất cả trí khẩu nghiệp triển chuyển theo căn bản trí, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì khẩu nghiệp của Sa-môn Cù-đàm hành động theo trí. Tất cả trí ý nghiệp vì triển chuyển theo căn bản trí, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì ý nghiệp của Sa-môn Cù-đàm thực hành theo trí, biết đời quá khứ không chướng, không ngại, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đầy đủ Túc mạng minh mà biết đời tương lai không chướng ngại, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đạt được Thiên nhãn minh nên biết đời hiện tại không chướng ngại, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đạt được Lậu tận minh, người không ác thấy được đảnh đầu, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Thân Sa-môn Cù-đàm vô biên nên người không thể hơn được, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm vượt hẳn các trời, người, Thanh văn, Bích-chi-phật nên chúng sinh mỗi người đều thấy Ngài ở trước mình, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Thân Sa-môn Cù-đàm chẳng thể nghĩ bàn nên lời nói của Ngài, người nghe sinh thiện, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thành tựu tất cả các công đức, nên tiếng thuyết pháp tùy theo người nghe, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm khéo biết người khác nghĩ điều mà không lợi ích gì nên lời nói phát ra thanh tịnh, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Miệng Sa-môn Cù-đàm thường không nói lời phi nghĩa, nên khi phát ra giọng nói nhẹ nhàng, khiến cho người nghe ưa thích, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Tâm của Sa-môn Cù-đàm bình đẳng, lìa bỏ oán thân, nên Ngài nói ra âm thanh khiến người nghe không nhàm chán, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm nói vi diệu, nên ở trong chúng không sợ, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thanh tịnh tất cả các trí chướng, nên những lời nói của Ngài không sinh sự sợ hãi, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu bốn Vô úy, nên tùy ý nói năng, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm khéo biết tâm tất cả chúng sinh nên đệ tử tịch tịnh, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Đồ chúng của Sa-môn Cù-đàm đều tùy thuận theo lời dạy nên tự lìa bỏ bực bội, trừ các pháp bất thiện, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thường nguyện thân mình như cây thuốc chúa, nên thấy không nhàm chán, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm có khả năng khiến người thấy biết rõ tất cả pháp, nên khi cử động thân quay lại như voi chúa, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm nhìn như rồng chúa, oai nghi thanh tịnh, nên ở trong bốn

chúng có thể rống lên tiếng rống sư tử, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm đầy đủ mười Lực, khéo quyết định những điều nghi ngờ của đại chúng, nên thường nhận sự cúng dường của bậc trên, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm là ruộng phước vô thượng, nên công đức vô tận, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm tu tập các hạnh không cầu quả báo, nên tất cả Trời, Người, Ma vương, Phạm vương không phá hoại được, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Trong mỗi mỗi thời đều có Na-la-diên hộ vệ nên ghi nhớ mọi việc không sai lầm, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì khéo biết tất cả các căn nên biết được các hạnh, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm biết rõ tất cả các pháp nên trí tuệ của Ngài không trở ngại, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm biết rõ ba đời, trí tuệ thanh tịnh, nên tập khí phiền não đã tận diệt hết, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm khéo thanh tịnh nhân phiền não, nên ở trong thế gian làm Thầy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thông đạt tất cả pháp tướng, nên đạt được Pháp thân, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thọ mạng vô tận, nên ai được thấy nghe, gần gũi thì được lợi ích lớn, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thành tựu pháp thiện, ba nghiệp bất không, nên người nào làm thân là chảy máu thì phạm tội nghịch ác, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thành tựu thiện căn Vô thượng thù thắng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu pháp Bất cộng như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

Cù-đàm không lỗi lầm
Cũng không có tập khí
Các niệm đều thanh tịnh
Bậc trí ấy không lỗi.
Tất cả tướng không khác
Nhưng tâm không quên mất
Xả bỏ tâm tạo tác
Các dục đều không giảm.
Tinh tấn không lười biếng
Có niệm chưa từng quên
Không thoái tuệ giải thoát
Chánh kiến không mất giảm.
Trí tuệ không dao động
Nghiệp thân khẩu cũng vậy
Lấy trí làm căn bản
Thường triển chuyển như thế.
Trí thường không lỗi lầm
Đời quá khứ cũng vậy
Vị lai và hiện tại

Các nơi không chướng ngại.
Cù-đàm là người trí
Các công đức như thế
Lại có pháp thắng khác
Làm chủ rất nhiều nơi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Như Lai thành tựu thân trang nghiêm bằng công đức như thế là thường hay là vô thường? Công đức như thế là có giới hạn hay không có giới hạn?

Đáp:

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm trụ ở công đức ấy, chấm dứt ngọn nguồn sinh tử. Thân sau cùng là thân thường trụ, chẳng phải vô thường. Đại vương! Ngài chớ quán sát thân Cù-đàm đồng với vô thường.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thân thường trụ như vậy, nên quán như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Như tự quán chiếu thân pháp tánh của mình, quán thân Cù-đàm cũng như thế. Thân ấy là sắc, vì không giống như sắc thấy được. Thân ấy là tâm, vì không giống như tâm biết được. Thân ấy là cây đuốc, vì tánh không tối tăm. Thân ấy cường tráng, vì thu phục các điều ác. Thân ấy có sức mạnh, vì không thể bị hàng phục. Thân ấy không trái ngược, vì tánh bình đẳng. Thân ấy là không, vì lìa thấy nghe. Thân ấy là vô tướng, vì lìa giác quán. Thân ấy là vô nguyện, vì ra khỏi ba cõi. Thân ấy là một tướng, vì không có tướng khác. Thân ấy như hư không, vì không giống nhau. Thân ấy chẳng phải sinh, bởi vì từ duyên sinh. Thân ấy chẳng diệt, vì nó vốn không sinh. Thân ấy chẳng trụ, vì không có ba đời. Thân ấy chẳng có phương hướng, nên không lìa phương hướng. Thân ấy chẳng phải chúng sinh nên không lìa tất cả chúng sinh.

Đại vương nên biết! Người nào quán như thế gọi là quán thân thường trụ, gọi là thấy Pháp thân. Người nào quán như thế gọi là chánh quán. Người nào quán khác gọi là quán tà.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là chẳng phải sinh mà từ duyên sinh?

Đáp:

–Đại vương! Pháp thân chẳng phải sinh mà từ duyên sinh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là từ duyên sinh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Nói từ duyên sinh tức là sinh từ công đức trí tuệ ở vô số kiếp; sinh từ Giới, sinh từ Định, sinh từ Tuệ, sinh từ Giải thoát, sinh từ Giải thoát trí kiến; sinh từ Từ, Bi, Hỷ, Xả; sinh từ Bố thí, sinh từ Trì giới, sinh từ Nhẫn nhục, sinh từ Tinh tấn, sinh từ Thiền định, sinh từ Trí tuệ, sinh từ Giải thoát Tam-muội, sinh từ các Phương tiện ba-la-mật, sinh từ sáu phép thần thông, sinh từ ba Minh, sinh từ bốn Vô ngại; sinh từ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng; sinh từ đoạn dứt các pháp bất thiện, tích tập các pháp thiện, sinh từ trí tuệ chân thật, sinh từ không phóng dật.

Đại vương nên biết! Sinh pháp vô lượng công đức thanh tịnh như thế, nên thân của Cù-đàm có công đức vô tận, Pháp thân vô tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Pháp sinh có cùng tận. Như vậy, thế nào là có sinh mà không tận?

Đáp:

–Đại vương! Vì vốn không sinh nên không có tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là vốn không sinh?

Đáp:

–Pháp thân chẳng sinh, vì bản thân nó có, vì duyên sinh nên gọi là sinh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Pháp thân sinh từ duyên vô lượng, vô biên như thế. Nếu muốn thực hành nó thì lấy gì làm gốc và bắt đầu làm từ đâu?

Đáp:

–Đại vương! Tất cả những công đức là hạnh trợ giúp đạo. Nói tóm lại là lấy giới làm căn bản và bắt đầu bằng trì giới. Nếu không trì giới, thậm chí đến thân dã can cũng không được, huống gì được thân công đức.

Đại vương! Vì giới thanh tịnh nên không đoạn giống Phật, thành Đẳng chánh giác không đoạn giống Pháp, phân biệt pháp tánh không đoạn giống Tăng, tu đạo vô biên. Vì trì giới thanh tịnh liên tục không gián đoạn nên công đức vô tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Tất cả giới thiện đều không cùng tận và cũng có cùng tận chăng?

Đáp:

–Đại vương! Tất cả không có cùng tận mà cũng có cùng tận. Vì sao? Vì sự liên tục gián đoạn nên có cùng tận, vì không gián đoạn nên vô tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là liên tục gián đoạn? Thế nào là liên tục không gián đoạn?

Đáp:

–Đại vương! Giới thanh tịnh liên tục không gián đoạn nên công đức không cùng tận. Vì sao? Giới của người phạm ở chỗ thọ sinh gián đoạn nên có chấm dứt. Người ở trong giới thập thiện đạt được quả báo gián đoạn nên có chấm dứt. Công đức phước báo của các trời ở cõi Dục gián đoạn nên có sự chấm dứt. Chư Thiên cõi Sắc đi vào các định mà tâm còn gián đoạn nên có chấm dứt. Chư Thiên cõi Vô sắc đi vào các thiền định có gián đoạn nên có chấm dứt. Tất cả các Thanh văn giới Học, Vô học đi vào cõi Niết-bàn có gián đoạn nên có chấm dứt. Giới Bích-chi-phật không có tâm đại Bi có gián đoạn nên có chấm dứt. Các giới Bồ-tát đạt đến Bồ-đề, thành tựu tâm đại Bi nên công đức không cùng tận. Vì sao? Vì ở trong giới đó phát sinh ra tất cả các giới phàm tục, nhị thừa. Như vậy, hạt giống vô tận nên quả cũng vô cùng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Pháp thân này, nên nương vào pháp gì để khởi lên sự quán chiếu như thế?

Đáp:

–Đại vương! Nên nương vào tất cả thân phiền não của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào trong tham dục, sân hận, ngu si của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào bốn cái thấy điên đảo của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào trong ấm, giới, các nhập của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào các thân trong địa

ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến A-tu-la để quán chiếu. Vì sao? Vì những thân này tức là Như Lai tạng. Ở trong tất cả tạng phiền não, các cấu nhiễm đều có tánh Như Lai hiển nhiên đầy đủ, như vàng ở trong đá, như lửa ở trong cây, như nước ở trong đất, như bơ ở trong dừa, như dầu ở trong mè, như mầm ở trong hạt, như báu ở trong kho, như tượng ở trong khuôn, như thai ở trong bào thai, như mặt trời trong mây, cho nên, ta nói trong thân phiền não có Như Lai tạng.

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử nói kệ:

Cù-đàm thân Pháp tánh
Sắc diệu thường sáng ngời
Thanh tịnh thường vắng lặng
Thân ấy như hư không,
Cho nên thân pháp tánh
Chúng sinh không gì khác
Cảnh giới này thậm thâm
Nhị thừa làm sao biết?

Lúc bấy giờ, vua Nghiêm Sí nghe Đại Tát-già Ni-kiền Tử nói về Pháp thân công đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, sinh tâm vui mừng, thích thú, hớn hở và tâm vô cùng hoan hỷ; sinh tâm kính ngưỡng vô lượng, sinh tâm ái niệm vô lượng và sinh tâm vui mừng vô lượng. Đối với Đại Tát-già Ni-kiền Tử, nhà vua lại sinh tâm chẳng thể nghĩ bàn, sinh tâm không thể lường, sinh tâm tôn kính, sinh tâm tôn trọng, sinh tâm cung kính, sinh tâm biết rõ đạo Bồ-đề, sinh tâm Nhất thiết trí, sinh tâm đến bờ kia, sinh tâm như ngủ say thức dậy, sinh tâm khởi niệm, sinh tâm trụ Bồ-đề giải thoát chẳng thể nghĩ bàn.

Khi sinh những tâm chẳng thể nghĩ bàn như thế rồi, nhà vua lấy trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ anh lạc có giá trị và vô số y phục đẹp có giá trị tự tay dâng lên cúng dường Đại Tát-già Ni-kiền Tử.

Nhà vua lại thưa:

–Lành thay, thưa Đại sư Tát-già! Đại sư có khả năng nói pháp môn khéo léo đại thắng phương tiện.

Thưa Đại sư Tát-già! Pháp ngài nói rất khéo léo, tùy thuận trí Nhất thiết trí. Pháp này có khả năng đến địa vị Nhất thiết trí. Pháp thầy nói có thể vượt qua các dòng thế gian. Pháp của Đại sư nói có thể rửa sạch tất cả cấu nhiễm phiền não. Pháp của Đại sư nói có khả năng phá vỡ cánh cửa tật đố. Pháp của Đại sư nói có khả năng nhổ sạch những khổ đau trong đường ác. Pháp của Đại sư nói là phương tiện rất tốt phá hoại tất cả các núi lớn kiêu mạn. Pháp của Đại sư nói đều có thể làm khô cạn tất cả biển lớn ái dục trong thế gian. Pháp của Đại sư nói có khả năng chiếu đến những khu rừng rậm vô trí. Pháp của Đại sư nói không mất thời gian, không mất khi tiếp nhận.

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử bảo với vua Nghiêm Sí:

–Đại vương! Đúng như vậy. Các Đại Bồ-tát không có oai nghi thì không giáo hóa chúng sinh; không có một pháp thì không thể tùy thuận theo pháp môn Đại thừa; không có một pháp thì không thể đến được địa vị Nhất thiết trí; không có một pháp thì không thể đoạn tất cả phiền não; không có một pháp thì không thấy các lỗi lầm thế gian; không có một pháp thì không thấy công đức vô thượng của Niết-bàn; không có một pháp thì không thấy hạnh thù thắng vô thượng của Bồ-tát.

Đại vương! Tất cả hạnh mà các Đại Bồ-tát thực hành đều vì tự lợi và lợi tha, phải

có đầy đủ hai sự lợi ích ấy.

Khi Tát-già Ni-kiền Tử nói pháp môn này, vua Nghiêm Sí đạt được tâm kiên cố, không thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề.

Mười sáu người con của vua đạt được chỗ gọi là cảnh giới tín tâm vui mừng, hớn hở. Tám ngàn Thiên tử được gọi là quán Phật Tam-muội trang nghiêm.

Bấy giờ, mười ba ngàn quyến thuộc của vua Nghiêm Sí và quyến thuộc của Đại Tát-già Ni-kiền Tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những chúng sinh ấy, mỗi người tự cởi y ngoài trên thân mình mang đến cúng dường Tát-già Ni-kiền Tử và thưa rằng:

–Hôm nay chúng con được lợi ích rất lớn, vì chúng con được thấy Tát-già Ni-kiền Tử, được nghe nói pháp môn thắng diệu Nhất thiết trí tuệ này.

M